DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐƯỢC QUYỀN THAM DỰ VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026 - CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN HƯƠNG SƠN
Ngày chốt quyền: 08/04/2026

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
A	***Nhóm Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% CP GSM)***	***23,820,000***	***83.40***
1	Công ty CP đầu tư khách sạn Kim Thành	7,820,380	27.38
2	Tổng Công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	5,640,000	19.75
3	Công ty TNHH Đại Hiệp	2,856,220	10.00
4	Trần Thị Kim Thoa	2,856,200	10.00
5	Nguyễn Thị Minh	1,729,900	6.06
6	Nguyễn Thị Linh Giang	2,917,300	10.21
B	***Nhóm các cổ đông khác***	***4,742,000***	***16.60***
1	TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP	639,050	2.24
2	Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP	118,939	0.42
3	CÔNG TY TNHH WBF FINANCE	135,900	0.48
4	BIỆN NGỌC DUY PHƯƠNG	2,200	0.01
5	BÙI HOÀNG AN	1,000	0.00
6	BÙI NGỌC HÀ	400	0.00
7	BÙI THANH LONG	800	0.00
8	BÙI THỊ LAN ANH	1,700	0.01
9	BÙI VŨ KIỀU TRINH	1,000	0.00
10	BÙI ĐỨC HIỀN	10,000	0.04
11	Bùi Anh Tuấn	1,700	0.01
12	Bùi Quang Thái	900	0.00
13	Bùi Quốc Thái	2,800	0.01
14	Bùi Thị Hảo	500	0.00
15	Bùi Thị Kim	50,000	0.18
16	Bùi Thị Lam	800	0.00
17	Bùi Thị Thiềm	390,000	1.37
18	Bùi Thị Viễn	3,300	0.01
19	Bùi Tiến Đồng	3,100	0.01
20	Bùi Đức Chính	1,000	0.00
21	CAO TIẾN DŨNG	200	0.00
22	CAO ĐỨC TRUNG	900	0.00
23	DƯƠNG ANH TUÂN	200	0.00
24	DƯƠNG NGHĨA	5,000	0.02
25	DƯƠNG THỊ HẢI	800	0.00
26	DƯƠNG TUẤN HẢI	4,700	0.02
27	Dương Lê Khánh Hà	3,000	0.01
28	Dương Việt Sơn	5,000	0.02
29	HOÀNG HẢI HÀ	20,000	0.07
30	HOÀNG KIM MINH	10	0.00
31	HOÀNG THẾ HIỀN	9,800	0.03
32	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	4	0.00
33	HOÀNG THỊ TÂM	7,500	0.03
34	HOÀNG VĂN KHOÁT	10,000	0.04
35	HOÀNG VĂN KHỐI	3,000	0.01
36	HOÀNG XUÂN HẠNH	100	0.00
37	Hoàng Hồng Hạnh	10,000	0.04
38	Hoàng Kim Hạnh Phúc	18,000	0.06
39	Hoàng Thế Sáng	2,600	0.01
40	Hoàng Thị Giang	11,900	0.04
41	Hoàng Thị Hương Thảo	1,688	0.01
42	Hoàng Vinh Thăng	700	0.00
43	Hoàng Văn Sùng	3,500	0.01
44	Hoàng Văn Thịnh	16,400	0.06
45	Huỳnh Anh Quý	100	0.00
46	Huỳnh Lê Khôi	1,600	0.01

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
47	HÀ NGỌC TUẤN	600	0.00
48	HÀ THU HIỀN	10,000	0.04
49	Hà Gia Kính	400	0.00
50	Hà Thị Thu Hiền	4,100	0.01
51	Hà Thị Thắm	3,300	0.01
52	Hà Văn Tân	100	0.00
53	HỒ ANH TUẤN	100	0.00
54	HỒ TƯỜNG AN	800	0.00
55	HỒ VĂN SƠN	300	0.00
56	HỒ VĂN TUÂN	2,000	0.01
57	Hồ Như Thuỷ	9	0.00
58	Hồ Quốc Hội	1,300	0.00
59	Hồ Thị Xuân Quỳnh	200	0.00
60	HỨA VĨNH CƯỜNG	200	0.00
61	Khương Thị Lợi	5,000	0.02
62	Khương Tuấn Hải	5,000	0.02
63	Khổng Ngọc Thiện	3,000	0.01
64	Kim Ngọc Tháp	12,400	0.04
65	Kim Thị Hồng Lụa	100	0.00
66	LUYỆN NGỌC NGUYÊN	5,000	0.02
67	LÊ BÁ ĐỨC	1,200	0.00
68	LÊ DUY DƯƠNG	5,500	0.02
69	LÊ HUYỀN NHUNG	24,800	0.09
70	LÊ HỒNG NAM	100	0.00
71	LÊ HỒNG SƠN	1,300	0.00
72	LÊ THỊ YẾN	200	0.00
73	LÊ TUẤN LỰC	1	0.00
74	LÊ VĂN PHƯƠNG	300	0.00
75	LÊ ĐỨC ANH	2,700	0.01
76	Lã Việt Phương	900	0.00
77	Lê Anh Dũng	80,000	0.28
78	Lê Bá Tuyên	100	0.00
79	Lê Gia Huấn	100	0.00
80	Lê Hải Dương	200	0.00
81	Lê Hồng Diệu	3,000	0.01
82	Lê Hồng Sơn	4,500	0.02
83	Lê Minh Tuấn	100	0.00
84	Lê Mạnh Hưng	100	0.00
85	Lê Ngọc Quang	2,000	0.01
86	Lê Quang Duy	1,500	0.01
87	Lê Quốc Khánh	2,100	0.01
88	Lê Thanh Nhật	2,200	0.01
89	Lê Thanh Út	5,200	0.02
90	Lê Thu Hằng	700	0.00
91	Lê Thị Hoàng Anh	10,000	0.04
92	Lê Thị Mai	7,000	0.02
93	Lê Thị Mai An	900	0.00
94	Lê Thị Thu Hiền	1,000	0.00
95	Lê Trung Hiếu	5,900	0.02
96	Lê Tùng Hoa	4,200	0.01
97	Lê Tấn Hòa	1,000	0.00
98	Lê Văn Dũng	200	0.00
99	Lê Đức Minh Hiếu	100	0.00
100	LƯƠNG HỒNG NHUNG	14,000	0.05
101	LƯƠNG VĂN SƠN	3,500	0.01
102	Lưu Đình Tú	1,700	0.01
103	Lưu Đức Tùng	2,200	0.01
104	NGUYỄN ANH TUẤN	110	0.00
105	NGUYỄN ANH TUẤN	300	0.00

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
106	NGUYỄN GIA DUY	1	0.00
107	NGUYỄN HUY SẢN	100	0.00
108	NGUYỄN HẢI CƯỜNG	15,000	0.05
109	NGUYỄN HẢI HOÀNG SƠN	200	0.00
110	NGUYỄN KHẮC HIẾU	1,500	0.01
111	NGUYỄN KIM LONG	500	0.00
112	NGUYỄN MINH TÂN	300	0.00
113	NGUYỄN NGỌC TOÀN	65,000	0.23
114	NGUYỄN NGỌC TÂN	200	0.00
115	NGUYỄN QUANG MINH	37	0.00
116	NGUYỄN QUANG MINH	4	0.00
117	NGUYỄN QUỐC HƯNG	5,000	0.02
118	NGUYỄN SINH DŨNG THẮNG	1	0.00
119	NGUYỄN SIÊU MẪN	1	0.00
120	NGUYỄN THÁI VIỆT	200	0.00
121	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	10	0.00
122	NGUYỄN THỊ CHÂU ANH	1,100	0.00
123	NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY	103,600	0.36
124	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	0.00
125	NGUYỄN THỊ HẰNG	14,000	0.05
126	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	1,000	0.00
127	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	10	0.00
128	NGUYỄN THỊ LAN	700	0.00
129	NGUYỄN THỊ LÁNG	5,000	0.02
130	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	500	0.00
131	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	2,700	0.01
132	NGUYỄN THỊ NGỌ	5,900	0.02
133	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	30,000	0.11
134	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	100	0.00
135	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	10,000	0.04
136	NGUYỄN THỊ THANH HÒA	5,000	0.02
137	NGUYỄN THỊ THANH MAI	200	0.00
138	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	300	0.00
139	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	19	0.00
140	NGUYỄN THỊ THU MAI	8,000	0.03
141	NGUYỄN THỊ TÂM	2,500	0.01
142	NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN	300	0.00
143	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	1	0.00
144	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	5	0.00
145	NGUYỄN VĂN HOAN	100	0.00
146	NGUYỄN VĂN HUY	1,500	0.01
147	NGUYỄN VĂN NĂNG	517	0.00
148	NGUYỄN VĂN QUẢNG	1,000	0.00
149	NGUYỄN VĂN TUẤN	5,000	0.02
150	NGUYỄN VĂN VŨ LUÂN	200	0.00
151	NGUYỄN VĂN ĐẠT	200	0.00
152	NGUYỄN ĐÌNH HIỆP	5,000	0.02
153	NGUYỄN ĐỨC NHÃ	1,100	0.00
154	NGUYỄN ĐỨC ÁNH	1,500	0.01
155	NGÔ MINH TIẾN	459	0.00
156	NGÔ MẠNH HÀ	17,000	0.06
157	NGÔ VĂN LÂM	3,600	0.01
158	NGÔ VĂN ĐỄ	10,000	0.04
159	Nguyễn Anh Tuấn	1,500	0.01
160	Nguyễn Anh Tuấn	300	0.00
161	Nguyễn Cảnh Thái	8,100	0.03
162	Nguyễn Gia Trung	1	0.00
163	Nguyễn Hoàng Gia Tuệ	100	0.00
164	Nguyễn Hoàng Lâm	600	0.00

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
165	Nguyễn Hải An	27,000	0.09
166	Nguyễn Hồng Dương	1,300	0.00
167	Nguyễn Hồng Hà	2,000	0.01
168	Nguyễn Hữu Phước	1,000	0.00
169	Nguyễn Khắc Hưng	800	0.00
170	Nguyễn Kim Hân	300	0.00
171	Nguyễn Kim Ngân	13	0.00
172	Nguyễn Kim Quý	500	0.00
173	Nguyễn Minh Cương	1,100	0.00
174	Nguyễn Minh Hoàn	100	0.00
175	Nguyễn Minh Tân	200	0.00
176	Nguyễn Mạnh Hiếu	3,600	0.01
177	Nguyễn Mỹ Duyên	200	0.00
178	Nguyễn Ngọc Mạnh	700	0.00
179	Nguyễn Ngọc Thành	3,000	0.01
180	Nguyễn Ngọc Thục	17	0.00
181	Nguyễn Ngọc Đan Châu	8,700	0.03
182	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	500	0.00
183	Nguyễn Nhật Huy	52,900	0.19
184	Nguyễn Phạm Thành	2,600	0.01
185	Nguyễn Quang Hân	700	0.00
186	Nguyễn Quang Vinh	300	0.00
187	Nguyễn Quốc Tuấn	1,500	0.01
188	Nguyễn Thanh Cương	500	0.00
189	Nguyễn Thanh Nhàn	50	0.00
190	Nguyễn Thanh Phú	400	0.00
191	Nguyễn Thanh Tùng	1,000	0.00
192	Nguyễn Thu Trang	9,000	0.03
193	Nguyễn Thành Phong	1,305	0.00
194	Nguyễn Thành Trung	800	0.00
195	Nguyễn Thành Văn	16,000	0.06
196	Nguyễn Thái Huy	5,400	0.02
197	Nguyễn Thảo Nhung	1,400	0.00
198	Nguyễn Thế Công	100	0.00
199	Nguyễn Thế Cường	800	0.00
200	Nguyễn Thế Dũng	6,900	0.02
201	Nguyễn Thế Hạ	2,000	0.01
202	Nguyễn Thị Bích Hạnh	200	0.00
203	Nguyễn Thị Hiền	2,200	0.01
204	Nguyễn Thị Hà Thu	4,500	0.02
205	Nguyễn Thị Hải	5,000	0.02
206	Nguyễn Thị Lan Hương	1,000	0.00
207	Nguyễn Thị Lan Phương	1,900	0.01
208	Nguyễn Thị Minh Thu	262,400	0.92
209	Nguyễn Thị Ngọc	3,500	0.01
210	Nguyễn Thị Ngọc	600	0.00
211	Nguyễn Thị Nhã	5,000	0.02
212	Nguyễn Thị Oanh	3,500	0.01
213	Nguyễn Thị Sơn Ca	200	0.00
214	Nguyễn Thị Thiện	300	0.00
215	Nguyễn Thị Thu Trang	5,804	0.02
216	Nguyễn Thị Thuần Khanh	500	0.00
217	Nguyễn Thị Trà My	200	0.00
218	Nguyễn Thị Vịnh Long	4,500	0.02
219	Nguyễn Tiến Dũng	5	0.00
220	Nguyễn Tiến Phúc	700	0.00
221	Nguyễn Trung Kiên	1,000	0.00
222	Nguyễn Trung Thành	2,000	0.01
223	Nguyễn Trần Hoàng Khiêm	200	0.00

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
224	Nguyễn Tùng Lâm	900	0.00
225	Nguyễn Tú Thanh	400	0.00
226	Nguyễn Tất Hùng	7,900	0.03
227	Nguyễn Tất Đạt	100	0.00
228	Nguyễn Việt Hùng	91	0.00
229	Nguyễn Vân Phong	2,000	0.01
230	Nguyễn Võ Tòng	1,000	0.00
231	Nguyễn Văn	200	0.00
232	Nguyễn Văn Duy	300	0.00
233	Nguyễn Văn Giang	11	0.00
234	Nguyễn Văn Long	100	0.00
235	Nguyễn Văn Lục	23,400	0.08
236	Nguyễn Văn Thể	1,000	0.00
237	Nguyễn Văn Thủy	3,000	0.01
238	Nguyễn Văn Ty	600	0.00
239	Nguyễn Vũ Gia Huy	400	0.00
240	Nguyễn Xuân Minh	100	0.00
241	Nguyễn Xuân Thành	13,800	0.05
242	Nguyễn ánh Lợi	1,000	0.00
243	Nguyễn Đức Thuận	200	0.00
244	Nguyễn Đức Tuấn	250	0.00
245	Ngô Mai Anh	50,000	0.18
246	Ngô Mạnh Quỳnh	4,500	0.02
247	Ngô Thị Minh Hiền	4,800	0.02
248	Ngô Thị Phương Ngân	1,100	0.00
249	Ngô Thị Thùy	30	0.00
250	Ngô Đình Đức	500	0.00
251	PHAN QUỐC THẮNG	25,000	0.09
252	PHÍ BẢO HƯNG	100	0.00
253	PHÙ ĐỨC VĂN	7	0.00
254	PHẠM NGUYỄN THANH PHONG	100	0.00
255	PHẠM QUANG MINH	3,300	0.01
256	PHẠM THỊ MAI	1,100	0.00
257	PHẠM THỊ THANH HÒA	10,000	0.04
258	PHẠM TIẾN THÀNH	500	0.00
259	PHẠM VĂN TOÀN	700	0.00
260	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	1,200	0.00
261	Phan Lệ Quyên	101	0.00
262	Phan Nguyễn Huy Hoàng	13,014	0.05
263	Phan Sỹ Hiếu	600	0.00
264	Phan Thị Mộng Tuyền	1,200	0.00
265	Phan Thị Thanh Nhàn	500	0.00
266	Phan Thị Thuỳ Linh	2,000	0.01
267	Phan Văn An	46,300	0.16
268	Phùng Quang Tuyên	20,000	0.07
269	Phạm Anh Kim	3,200	0.01
270	Phạm Anh Tuấn	100	0.00
271	Phạm Gia Sáng	358,500	1.26
272	Phạm Ngân Phương	200	0.00
273	Phạm Thanh Huyền	30,000	0.11
274	Phạm Thị Bưởi	18,600	0.07
275	Phạm Thị Kim Tuyến	11,100	0.04
276	Phạm Thị Minh Hiền	6,000	0.02
277	Phạm Thị Thu Hiền	8,500	0.03
278	Phạm Thị Thu Nhàn	2,000	0.01
279	Phạm Thị Thu Nhàn	2,000	0.01
280	Phạm Tiến Dũng	300	0.00
281	Phạm Xuân Quý	100	0.00
282	Phạm Đình Nhân	1,600	0.01

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
283	Phạm Đức Phi	3,100	0.01
284	THÂN VĂN GIÁP	1,000	0.00
285	TRƯƠNG KHÁNH LINH	400	0.00
286	TRƯƠNG QUỐC BẢO	10	0.00
287	TRƯƠNG ĐÀO QUÝ DƯƠNG	3,800	0.01
288	TRẦN HỮU HÙNG	700	0.00
289	TRẦN NGUYỄN QUANG ANH	900	0.00
290	TRẦN QUANG TRUYỀN	2	0.00
291	TRẦN SƠN TÙNG	1,000	0.00
292	TRẦN THỊ NGOAN	13,200	0.05
293	TRẦN THỊ TÚ HẠNH	18,430	0.06
294	TRẦN THỊ XUÂN PHƯƠNG	5,000	0.02
295	TRẦN TỐ VŨ	15,000	0.05
296	TRẦN VĂN HUẤN	1,200	0.00
297	TRẦN VĂN HẢI	10,000	0.04
298	TRẦN VĂN TRUNG	300	0.00
299	TRẦN ĐÌNH TRUNG	20,000	0.07
300	TRẦN ĐỨC THẮNG	1,300	0.00
301	TRỊNH ANH TUẤN	25,000	0.09
302	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	10,000	0.04
303	Thiều Trọng Đức	2,000	0.01
304	Thái Khắc Tùng	1,800	0.01
305	Thái Quang Tuấn	500	0.00
306	Trương Thị Nhi	100	0.00
307	Trần Anh Duy	800	0.00
308	Trần Anh Quốc	300	0.00
309	Trần Anh Tuấn	15,300	0.05
310	Trần Công Thành	4,600	0.02
311	Trần Hoàng Sơn	1,500	0.01
312	Trần Kim Khánh	10,000	0.04
313	Trần Minh Huyền	100	0.00
314	Trần Ngọc Khoa	2,700	0.01
315	Trần Ngọc Quy	100	0.00
316	Trần Ngọc Đăng	600	0.00
317	Trần Phương Đăng	667	0.00
318	Trần Phạm Thành	6,100	0.02
319	Trần Thanh Thuận	500	0.00
320	Trần Thắng	20,000	0.07
321	Trần Thị Bảo Trân	100	0.00
322	Trần Thị Ngọc Dung	86	0.00
323	Trần Thị Thu Hà	1,000	0.00
324	Trần Trọng Hiếu	21	0.00
325	Trần Trọng Thanh	7,000	0.02
326	Trần Văn Phục	1,000	0.00
327	Trần Vĩnh Thái	16,500	0.06
328	Trần Xuân Chính	7,600	0.03
329	Trần Ích Hưng	51	0.00
330	Trần Đức Công	300	0.00
331	Trần Đức Lợi	5,500	0.02
332	Trần Đức Thắng	47	0.00
333	Trịnh Xuân Trung	1,700	0.01
334	Trịnh Xuân Tĩnh	8,400	0.03
335	Tô Quang Phúc	4,000	0.01
336	TẠ DUY SƠN	70,000	0.25
337	Tạ Ngọc Sơn	1	0.00
338	Tạ Quang Ngọc	9,600	0.03
339	Tạ Thị Hiền	2,000	0.01
340	Viên Huy Lương	100	0.00
341	VÕ THỊ TỐ NGA	279,500	0.98

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
342	Võ Chí Quý	500	0.00
343	Võ Minh Thông	100	0.00
344	Võ Thanh Quang	27,272	0.10
345	Võ Văn Quang	1,500	0.01
346	Võ Đăng Khoa	13,500	0.05
347	Văn Thị Bích Trâm	100	0.00
348	VŨ HOÀNG DƯƠNG	200	0.00
349	VŨ HẢI HÙNG	20,000	0.07
350	VŨ THỊ DIỆU HƯƠNG	600	0.00
351	VŨ THỊ QUY	5,000	0.02
352	VŨ THỊ THANH HẰNG	37,000	0.13
353	VŨ THỊ THÚY MAI	1,400	0.00
354	VŨ TUẤN ANH	600	0.00
355	VŨ XUÂN QUỐC	100	0.00
356	VŨ XUÂN THẮNG	100	0.00
357	VŨ ĐÌNH PHÚ	12,000	0.04
358	VŨ ĐỨC TRỌNG	2,000	0.01
359	Vũ Bình Ca	4,000	0.01
360	Vũ Duy Nam	16	0.00
361	Vũ Minh Hiền	160	0.00
362	Vũ Ngọc Như	2,100	0.01
363	Vũ Thanh Châu	113,438	0.40
364	Vũ Thế Bảo	200	0.00
365	Vũ Thị Bích Ngọc	3,500	0.01
366	Vũ Thị Thanh Hương	26,300	0.09
367	Vũ Việt Anh	3,000	0.01
368	Vũ Văn Đăng	1	0.00
369	Vương Thái Sơn	290,200	1.02
370	ĐINH QUANG HOÀNG	49	0.00
371	ĐINH TUẤN TÀI	5,600	0.02
372	ĐINH VĂN NAM	1	0.00
373	ĐOÀN THỊ LIÊN	1,000	0.00
374	Đinh Khắc Toàn	20,000	0.07
375	Đinh Thanh Mai	800	0.00
376	Đinh Viết Sơn	20,000	0.07
377	Đinh Đức Hiếu	300	0.00
378	Đoàn Thị Nhàn	100	0.00
379	Đoàn Văn Hà	1,400	0.00
380	Đoàn Văn Đức	5,000	0.02
381	ĐÀO VĂN THÀNH	1	0.00
382	Đào Mai Thanh Thảo	20	0.00
383	Đào Ngọc Thanh	20,000	0.07
384	Đào Văn Minh	2,600	0.01
385	Đào Xuân Tuấn	10,000	0.04
386	Đậu Khắc Thành	1,300	0.00
387	Đậu Trường Lâm	2,600	0.01
388	ĐẶNG CÔNG MINH	900	0.00
389	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	200	0.00
390	ĐẶNG QUANG HUY	400	0.00
391	ĐẶNG QUỲNH TRANG	7,000	0.02
392	ĐẶNG THANH HÀ	20	0.00
393	ĐẶNG THÁI HÙNG	2	0.00
394	ĐẶNG TUẤN DŨNG	2,300	0.01
395	Đặng Thị Bích	15,000	0.05
396	Đặng Thị Hải Yến	7,400	0.03
397	Đặng Thị Ngọc Thơ	1,500	0.01
398	Đặng Thị Thanh Huyền	4,000	0.01
399	Đặng Thị Thu Hà	300	0.00
400	Đặng Trần Nhật Linh	1,600	0.01

TT	HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
401	Đặng Tuấn Anh	2,100	0.01
402	Đặng Văn Bách	2,100	0.01
403	Đặng Văn Diễm	1,400	0.00
404	Đặng Văn Sơn	2,200	0.01
405	ĐỖ VIỆT KHOA	37,800	0.13
406	ĐỖ VĂN SANG	20,000	0.07
407	ĐỖ ĐỨC THỊNH	19	0.00
408	Đỗ Hùng Anh	10	0.00
409	Đỗ Hữu Hoàn	10,000	0.04
410	Đỗ Nam Hải	5,100	0.02
411	Đỗ Nam Nghĩa	10,000	0.04
412	Đỗ Quốc Lương	1,000	0.00
413	Đỗ Thị Ngọc Linh	200	0.00
414	Đỗ Thị Sang	50,000	0.18
415	Đỗ Thị Thành	1,100	0.00
416	Đỗ Tuấn Kiên	2,200	0.01
417	Đỗ Tuấn Minh	1,800	0.01
418	Đỗ Việt Khoa	53,700	0.19
419	Đỗ Văn Đạt	300	0.00
420	Đỗ Đình Hiện	1,000	0.00
421	Đỗ Đức Thắng	300	0.00
422	Thomas Briem	2,000	0.01
C	**TỔNG CỘNG**	**28,562,000**	**100**